TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 498/2022/QĐST-HNGĐ	*Tn, ngày 30 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 641/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, "Về việc Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: bà Phạm Thị H, sinh năm 1976

Địa chỉ: tổ 2, Ao Voi, phường Đồng Bẩm, thành phố TN,

Bị đơn: ông Lưu Thanh Hùng, sinh năm 1972 (Đã chết)

Địa chỉ: xóm Nước Hai, xã Quyết Thắng, thành phố TN;

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Lưu Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: xóm Nước Hai, xã Quyết Thắng, thành phố TN;

2. Lưu Thị N1, sinh năm 1996

Địa chỉ: xóm Nước Hai, xã Quyết Thắng, thành phố TN;

Căn cứ vào Điều 146,147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đ- ơng sự cụ thể như sau:

Nội dung:

Các bên thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung như sau:

1.1. Đối với đất các bên thống nhất để con đường giao thông rộng 5 m chạy dọc theo thửa đất số: 66 là: 422,6 m^2 theo sơ đồ: c, d, e, g, h, i, k, c. Chiều dài cạnh (m): cạnh c-d = 5,0 m; cạnh d-e = 12,4 m; cạnh e-g = 19,5 m; cạnh g-h = 45,2 m; cạnh h-i = 2,0 m; cạnh i-k = 4,8 m; cạnh k-c = 80,2 m (Có sơ đồ kèm theo).

Còn lại chia đều làm 03 phần là:

1.2. Bà Phạm Thị H được chia 418,8 m^2. Trong đó có 40 m^2 đất thổ cư và 378,8 m^2 đất vườn theo sơ đồ: a, b, c, d, e, f, a. Chiều dài cạnh (m): cạnh a-b = 28,0 m; cạnh b-c = 5,0 m; cạnh c-d = 5,0 m; cạnh d-e = 12,4 m; cạnh e-f = 20,0 m; cạnh f-a = 17,5 m (Có sơ đồ kèm theo).

1.3. Chị Lưu Thị N được chia 416,8 m^2 đất vườn theo sơ đồ: e, f, 9, g, e. Chiều dài cạnh (m): cạnh e-f = 22,0 m; cạnh f-9 = 19,5 m; cạnh 9-g =20,7 m; cạnh g-e = 19,5 m (Có sơ đồ kèm theo).

1.4. Chị Lưu Thị N1 được chia 442,8 m^2. Trong đó có 60 m^2 đất thổ cư và 382,8 m^2 đất vườn theo sơ đồ: 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, h, g, 9. Chiều dài cạnh (m): cạnh 9-10 = 21,5 m; cạnh 10-11 = 12,0 m; cạnh 11-12 = 10,5 m; cạnh 12-13 = 5,0 m; cạnh 13-14 = 6,1 m; cạnh 14-15 = 27,2 m; cạnh 15-h =1,7 m; cạnh h-g = 45,2 m; cạnh g-9 = 20,7 m (Có sơ đồ kèm theo).

Bà Phạm Thị H, chị Lưu Thị N, chị Lưu Thị N1 có trách nhiệm đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Lưu Thị N1 có trách nhiệm mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan cùng bà Phạm Thị H, chị Lưu Thị N thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số: 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị H, chị Lưu Thị N, chị Lưu Thị N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

Hoàn trả lại bà Phạm Thị H 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn ngày 03 tháng 11 năm 2022, biên lai số: 000.0297.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án sẽ bị thi hành theo Luật thi hành án Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSNDTPTN;
- CCTHADSTPTN;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Huy Hưởng